

1993-as világbajnokság

Versenyző	Autó	RSA	BRA	EUR	RSM	ESP	MCO	CDN	FRA	GBR	GER	HUN	BEL	ITA	POR	JPN	AUS	Összes
1. Alain Prost	Williams - Renault FW15C	10	CN	4	10	10	3	10	10	10	10	0	4	0	6	6	6	99
2. Ayrton Senna	McLaren - Ford MP4/8	6	10	10	CN	6	10	0	3	2	3	CN	3	CN	CN	10	10	73
3. Damon Hill	Williams - Renault FW15C	CN	6	6	CN	CN	6	4	6	CN	0	10	10	10	4	3	4	69
4. Michael Schumacher	Benetton - Ford B192B	CN	4	CN	6	4	CN	6	4	6	6	CN	6	CN	10	CN	CN	52
5. Riccardo Patrese	Benetton - Ford B192B	CN	CN	2	CN	3	CN	CN	0	4	2	6	1	2	0	CN	CN	20
6. Jean Alesi	Ferrari F93A	CN	0	CN	CN	CN	4	CN	CN	0	0	CN	CN	6	3	CN	3	16
7. Martin Brundle	Ligier - Renault JS39	CN	CN	CN	4	CN	1	2	2	0	0	2	0	CN	1	0	1	13
8. Gerhard Berger	Ferrari F93A	1	CN	CN	CN	1	0	3	0	CN	1	4	0	CN	CN	CN	2	12
9. Johnny Herbert	Lotus - Ford 107B	CN	3	3	0	CN	CN	0	CN	3	0	CN	2	CN	CN	0	CN	11
10. Mark Blundell	Ligier - Renault JS39	4	2	CN	CN	0	CN	CN	CN	0	4	0	0	CN	CN	0	0	10
11. Michael Andretti	McLaren - Ford MP4/8	CN	CN	CN	CN	2	0	0	1	CN	CN	CN	0	4				7
Karl Wendlinger	Sauber - Ilmor C12	CN	CN	CN	CN	CN	0	1	CN	CN	0	1	CN	3	2	CN	0	7
13. J.J. Lehto	Sauber - Ilmor C12	2	CN	CN	3	CN	CN	0	CN	0	CN	CN	0	CN	0	0	CN	5
Christian Fittipaldi	Minardi - Ford M193	3	CN	0	CN	0	2	0	0	0	0	CN	CN	0	0			5
Mika Hakkinen	McLaren - Ford MP4/8														CN	4	CN	4
15. Derek Warwick	Footwork - Mugen Honda FA13B	0	0															4
	Footwork - Mugen Honda FA14			CN	CN	0	CN	0	0	1	0	3	CN	CN	0	0	0	
Philippe Alliot	Larrousse - Lamborghini LH93	CN	0	CN	2	CN	0	CN	0	0	0	0	0	0	0			2
17. Rubens Barrichello	Jordan - Hart 193	CN	CN	0	CN	0	0	CN	0	0	CN	CN	CN	CN	0	2	0	2
Fabrizio Barbazza	Minardi - Ford M193	CN	CN	1	1	CN	0	CN	CN									2
Alessandro Zanardi	Lotus - Ford 107B	CN	1	0	CN	0	0	0	CN	CN	CN	CN	NI					1
20. Erik Comas	Larrousse - Lamborghini LH93	CN	0	0	CN	0	CN	0	0	CN	CN	CN	CN	1	0	CN	0	1
Eddie Irvine	Jordan - Hart 193															1	CN	1
Michele Alboreto	Lola - Ferrari T93/30	CN	0	0	NK	NK	CN	NK	NK	NK	0	CN	0	CN	CN			-
Marco Apicella	Jordan - Hart 193													CN				-
Luca Badoer	Lola - Ferrari T93/30	CN	0	NK	0	CN	NK	0	CN	CN	CN	CN	0	0	0			-
Thierry Boutsen	Jordan - Hart 193			CN	CN	0	CN	0	0	CN	0	0	CN					-
Ivan Capelli	Jordan - Hart 193	CN	NK															-
Andrea de Cesaris	Tyrrell - Yamaha 020C	CN	CN	CN	CN	KZ	0	CN	0									-
	Tyrrell - Yamaha 021									NO	CN	0	CN	0	0	CN	0	
Jean-Marc Gounon	Minardi - Ford M193															CN	CN	-
Ukyo Katayama	Tyrrell - Yamaha 020C	CN	CN	CN	CN	CN	CN	0	CN	0								-
	Tyrrell - Yamaha 021										CN	0	0	0	CN	CN	CN	
Pedro Lamy	Lotus - Ford 107B													0	CN	0	CN	-
Pierluigi Martini	Minardi - Ford M193									CN	0	CN	CN	0	0	0	CN	-
Emanuelle Naspetti	Jordan - Hart 193														CN			-
Aguri Suzuki	Footwork - Mugen Honda FA13B	CN	CN															-
	Footwork - Mugen Honda FA14			CN	0	0	CN	0	0	CN	CN	CN	CN	CN	CN	CN	0	
Toshio Suzuki	Larrousse - Lamborghini LH93															0	0	-

Konstruktőr	Motor / Gumi	RSA	BRA	EUR	RSM	ESP	MCO	CDN	FRA	GBR	GER	HUN	BEL	ITA	POR	JPN	AUS	Összes
1. Williams	Renault / Goodyear	10	6	10	10	10	9	14	16	10	10	10	14	10	10	9	10	168
2. McLaren	Ford / Goodyear	6	10	10	0	8	10	0	4	2	3	0	3	4	0	14	10	84
3. Benetton	Ford / Goodyear	0	4	2	6	7	0	6	4	10	8	6	7	2	10	0	0	72
4. Ferrari	Ferrari / Goodyear	1	0	0	0	1	4	3	0	0	1	4	0	6	3	0	5	28
5. Ligier	Renault / Goodyear	4	2	0	4	0	1	2	2	0	4	2	0	0	1	0	1	23
6. Lotus	Ford / Goodyear	0	4	3	0	0	0	0	0	3	0	0	2	0	0	0	0	12
Sauber	Ilmor / Goodyear	2	0	0	3	0	0	1	0	0	0	1	0	3	2	0	0	12
8. Minardi	Ford / Goodyear	3	0	1	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7
9. Footwork	Mugen Honda / Goodyear	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	3	0	0	0	0	0	4
10. Jordan	Hart / Goodyear	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	3
Larrousse	Lamborghini / Goodyear	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	3
Tyrrell	Yamaha / Goodyear	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
Lola	Ferrari / Goodyear	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			-

Rövidítés-magyarázat:

CN = Célbaérés nélkül
 NI = Nem indult
 NK = Nem kvalifikált
 NO = Nem osztályozták
 KÁ = Kiállítva
 KZ = Kizárva